

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÁC MÔN TIN HỌC
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025-2026

STT	Lớp	Giáo viên dạy	Số số	Kết quả kiểm tra học kỳ 1											Điểm trung bình môn học học kỳ 1											HS không có KQĐG		
				Tổng số điểm KT	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Đạt trở lên		Điểm trung bình lớp	Tổng số điểm KT	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Đạt trở lên		Điểm trung bình lớp	
					SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL			%
1	10A	Đỗ Thế Nhất	46	46	43	93.48	2	4.35	1	2.17			46	100	8.76	46	41	89.13	5	10.87					46	100	8.6	
2	10B	Đỗ Thế Nhất	44	44	31	70.45	10	22.73	2	4.55	1	2.27	43	97.73	7.83	44	31	70.45	13	29.55					44	100	8.17	
3	10C	Đỗ Thế Nhất	47	47	42	89.36	5	10.64					47	100	8.81	47	42	89.36	5	10.64					47	100	8.64	
4		Khối 10	137	137	116	84.67	17	12.41	3	2.19	1	0.73	136	99.27	8.48	137	114	83.21	23	16.79					137	100	8.48	
5	11A	Vũ Anh Tuấn	46	46	30	65.22	14	30.43	2	4.35			46	100	7.93	46	37	80.43	8	17.39	1	2.17			46	100	8.18	
6	11B	Vũ Anh Tuấn	42	42	35	83.33	6	14.29			1	2.38	41	97.62	8.02	42	33	78.57	8	19.05		1	2.38	41	97.62	8.11		
7	11C	Phạm Thanh Nga	41	41	38	92.68	3	7.32					41	100	8.53	41	24	58.54	17	41.46					41	100	8.08	
8	11D	Phạm Thanh Nga	39	39	30	76.92	8	20.51	1	2.56			39	100	8.45	39	15	38.46	22	56.41	1	2.56	1	2.56	38	97.44	7.74	
9	11E	Phạm Thanh Nga	42	42	29	69.05	12	28.57	1	2.38			42	100	8.23	42	18	42.86	23	54.76	1	2.38			42	100	7.79	
10		Khối 11	210	210	162	77.14	43	20.48	4	1.9	1	0.48	209	99.52	8.22	210	127	60.48	78	37.14	3	1.43	2	0.95	208	99.05	7.99	
11	12A	Phạm Thanh Nga	44	44	30	68.18	14	31.82					44	100	8.26	44	40	90.91	4	9.09					44	100	8.48	
12	12B	Phạm Thanh Nga	40	40	18	45	21	52.5	1	2.5			40	100	7.83	40	21	52.5	19	47.5					40	100	7.99	
13	12C	Phạm Thanh Nga	41	41	23	56.1	18	43.9					41	100	7.94	41	14	34.15	27	65.85					41	100	7.77	
14		Khối 12	125	125	71	56.8	53	42.4	1	0.8			125	100	8.02	125	75	60	50	40					125	100	8.09	
15		Toàn trường	472	472	349	73.94	113	23.94	8	1.69	2	0.42	470	99.58	8.24	472	316	66.95	151	31.99	3	0.64	2	0.42	470	99.58	8.16	